

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS - ST.

Ngày: 26/8/2020.

V/v: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tiến

Bà Nguyễn Thị Thuởng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST - DS ngày 18/2/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXX - ST ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Trần Văn B - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Đường Lê L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn L - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Đội C, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt anh B; vắng mặt anh L (có đơn xin xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2020, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ giữa anh với anh Nguyễn Mạnh H là anh em họ hàng nên anh Hoàng Văn L (anh em đứng nặng với anh H) nói anh H nhờ xin số điện thoại của anh để làm quen. Trong quá trình anh L và anh H có qua lại với anh vài lần nên anh L có

hỏi anh nhờ vay hộ cho anh L tiền để giải quyết công việc của Công ty TNHH một thành viên Long Đức Duy do anh L làm giám đốc.

Ngày 12/2/2018 anh L có điện thoại cho anh và nhờ vay hộ cho anh L 100.000.000đ và có hẹn sau 1 tháng sẽ thanh toán lại cho anh, còn tiền lãi anh L sẽ đưa cho anh để anh đi trả cho quỹ tín dụng.

Đến ngày 05/3/2018 anh L có trình bày do Công ty của anh đang cần tiền để thanh toán cho công nhân nên lại tiếp tục nhờ anh hỏi vay cho anh L số tiền 100.000.000đ và hẹn đúng 1 tháng sẽ thanh toán đầy đủ lại cho anh.

Tiếp tục đến ngày 04/5/2018 anh L thêm một lần anh L lấy lý do là do các công trình của anh L chưa được giải ngân nên nhờ anh giúp vay thêm cho anh L số tiền 50.000.000đ để lo chạy công việc. Vì anh nghĩ anh L là người có mối quan hệ gần gũi với anh Nguyễn Mạnh H (anh họ anh) lại đang làm giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Long Đức D trong khi đó vợ anh L là chị Lê Thị H hiện đang công tác tại Tòa án nhân dân thành phố T nên anh hoàn toàn tin tưởng và tiếp tục vay hộ cho anh L số tiền trên.

Tính đến ngày 04/5/2018 anh L đã nhờ anh vay hộ cho anh L số tiền 250.000.000đ. Sau đó đúng 1 tháng tôi có đến để hỏi anh L để lấy lại số tiền trên thì anh L khất anh là chưa có tiền và có đưa cho anh số tiền bảo cầm về để trả lãi cho tín dụng. Nhiều lần anh đã giục anh L thanh toán nhưng anh L luôn tìm mọi lý do để né tránh và khất nợ. Tính đến tháng 11/2018 anh L đã đưa cho anh được 15.000.000đ để trả lãi cho quỹ tín dụng T

Từ tháng 11/2018 đến nay anh L luôn cố tình né tránh và cũng không thanh toán thêm cho anh số tiền nào nữa, nên lâu nay anh vẫn phải đi trả lãi cho quỹ tín dụng T thay cho anh L với số tiền là  $2.750.000đ \times 13 \text{ tháng} = 35.750.000đ$ .

Trong đơn khởi kiện anh có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc anh Hoàng Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền gốc là 250.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/01/2020 là 35.750.000đ. Tổng gốc + lãi: 285.000.000đ và yêu cầu tính lãi sau ngày 08/01/2020 theo lãi suất quỹ tín dụng Thọ Xuân.

Ngày 30/7/2020 anh có bản tự khai bổ sung xin rút toàn bộ yêu cầu phần lãi suất anh đã tạm tính là 35.750.000đ và không yêu cầu tính lãi và tại phiên tòa anh chỉ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T xử buộc anh Hoàng Văn L phải trả cho anh số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) và không yêu cầu tính lãi suất.

\* *Tại bản tự khai ngày 12/6/2020 của bị đơn là Hoàng Văn L trình bày:* Anh có quan hệ quen biết với anh Trần Văn B, biết anh B có cho vay nợ lãi mà anh đang cần tiền để giải quyết công việc làm ăn riêng của anh nên cuối năm 2018 anh có vay của anh B số tiền 250.000.000đ làm 03 lần. Lần 1: Ngày 12/2/2018 vay số tiền gốc 100.000.000đ; lần 2: Ngày 05/3/2018 vay số tiền gốc 100.000.000đ; lần 3: Ngày 04/5/2018 vay số tiền gốc 50.000.000đ. Khi anh vay tiền của anh B anh có viết giấy vay nợ, về lãi suất anh và anh B có thỏa thuận miệng với nhau, mức lãi suất anh phải trả cho anh B là (7.500.000đ/100.000.000đ/1tháng), sau khi vay hàng tháng anh trả lãi cho anh B đều đặn số tiền lãi mà giữa anh và anh B đã thỏa thuận với nhau.

Do anh B cho vay lãi cao nên hàng tháng anh B xuống nhà anh lấy lãi hoặc anh B hẹn địa điểm ở quán cafe để anh trả, có vài lần anh trả tiền lãi cho anh B qua tài khoản, mỗi lần trả hai bên không viết giấy.

Đến cuối năm 2019 do công việc của anh không được thuận lợi, tiền công trình không thanh toán được mà lãi anh vay của anh B quá cao nên khó khăn về kinh tế. Anh có nói anh B để thanh toán được tiền công trình anh sẽ trả tiền gốc và lãi nhưng anh B đến nhà và ép anh phải ghi tổng số tiền gốc và lãi thành tiền gốc (tiền gốc cộng với tiền nợ lãi cao của 4 tháng) anh không đồng ý nên hai bên có to tiếng với nhau.

Do việc anh có tự nguyện vay lãi cao của anh B nên anh không khiếu nại anh B về việc cho vay lãi cao (anh có chứng cứ chứng minh việc anh B cho vay lãi cao). Nay anh thừa nhận còn nợ anh B số tiền gốc 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Anh B có đơn khởi kiện đòi nợ anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, nội dung hợp đồng không thỏa thuận về lãi suất, được xác định là hợp đồng vay không có lãi theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của BLDS. Nay anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn L thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

Ngày 14/8/2019 anh Hoàng Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy đơn đề nghị của anh L là có lý do chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[2]. *Về nội dung yêu cầu:*

Bị đơn là anh Hoàng Văn L thừa nhận có vay của anh Trần Văn B số tiền gốc là 250.000.000đ là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B về số tiền gốc, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật và chấp nhận sự thống nhất của các bên về khoản vay tiền 250.000.000đ, đến nay bị đơn chưa trả được.

Quá trình vay anh Hoàng Văn L không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ, nhiều lần khát không chịu trả, gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ của nguyên đơn. Xét yêu cầu của anh Trần Văn B yêu cầu buộc anh Hoàng Văn L phải số tiền nợ gốc 250.000.000đ cho nguyên đơn. Căn cứ vào các Điều 463, 466, 477 của BLDS thì anh Hoàng Văn L là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu của anh Trần Văn B đề nghị Tòa án buộc anh Hoàng Văn L phải có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn B buộc anh Hoàng Văn L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 250.000.000đ cho nguyên đơn.

Ngày 30/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Hoàng Văn L phải trả lãi 35.750.000đ đối với số tiền 250.000.000đ mà anh B đã cho anh L vay. Việc xin rút một phần yêu cầu của anh Trần Văn B là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của BLTTDS.

[3]. *Về án phí sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 469 của BLDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Trần Văn B về việc buộc anh Hoàng Văn L phải trả lãi đối với số tiền gốc 250.000.000đ.

- Buộc anh Hoàng Văn L phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn B số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Văn B có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh Hoàng Văn L phải trả, nếu anh L không trả hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của BLDS.

- Về án phí sơ thẩm: Anh Hoàng Văn L phải chịu 12.500.000đ án phí DSST.

Anh Trần Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.143.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000759 ngày 30/01/2020 tại Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hoàng Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Lan Anh**